TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1988; số định danh cá nhân: 038188042081; địa chỉ: Thôn C Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1987; số định danh cá nhân: 038087026640; địa chỉ: Thôn C Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn H qua việc tìm hiểu, lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng

ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong gia đình, giữa vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do không thể chịu đựng được nữa cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân cho đến nay không còn qua lại tình cảm với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Trịnh Thị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Ngoc N, sinh ngày 26/3/2017, con hiện đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T trình bày hiện tại chị đang đi làm Công ty với thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con tốt.

Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại biên bản xác minh lập ngày 19/3/2025, đại diện UBND xã T cho biết: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Văn H có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện T vào ngày 03/8/2017. Qúa trình chung sống vợ chồng chị T, anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Ngoc N, sinh ngày 26/3/2017. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Ngoc N, sinh ngày 26/3/2017 cho chị Trịnh Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đỗ Văn H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Văn H, hiện đang cư trú tại: Thôn C Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đỗ Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là chị Trịnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Văn H tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/8/2017, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tôn trọng và chia sẽ với nhau trong gia đình, bất đồng về quan điểm, nên đã thường xuyên để xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Qúa trình giải quyết vụ án, chị T một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ

chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Văn H có 01 con chung là cháu Đỗ Ngoc N, sinh ngày 26/3/2017.

Xét: Quá trình giải quyết vụ án, chị T có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con, trong khi anh H không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến về nuôi con chung; hơn nữa thực tế hiện nay con đang ở với chị T từ khi vợ chồng ly thân năm 2018, đã được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đỗ Văn H không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Đỗ Văn H có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Ngoc N, sinh ngày 26/3/2017.

Giao con chung là cháu Đỗ Ngoc N cho chị Trịnh Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản

trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005357 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Trịnh Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến